

Số: 69/2017/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về ban hành chính sách phòng, chống và kiểm soát
ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2018 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Phòng, chống ma túy năm 2000; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống ma túy năm 2008; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy; Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng; Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các Thông tư hướng dẫn thực hiện;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 642/TTr-UBND ngày 14/11/2017; Báo cáo thẩm tra số 218/BC-VHXXH ngày 04/12/2017 của Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh và thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Ban hành chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2018 - 2020:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. *Phạm vi điều chỉnh:* Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ người cai nghiện ma túy; hỗ trợ công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2018 - 2020.

1.2. *Đối tượng áp dụng:* Người cai nghiện ma túy; tập thể, cá nhân tham gia công tác phòng chống và kiểm soát ma túy.

2. Nội dung của chính sách

- 2.1. Chính sách hỗ trợ người cai nghiện ma túy.
- 2.2. Chính sách triệt xóa cây có chứa chất ma túy.
- 2.3. Chính sách tăng cường đấu tranh phòng, chống và kiểm soát tội phạm ma túy.
- 2.4. Chính sách hỗ trợ cán bộ tham gia công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy.
- 2.5. Chính sách hỗ trợ công tác phòng chống và kiểm soát ma túy tại cơ sở.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Nguồn kinh phí: Kinh phí được lồng ghép từ các nguồn vốn Ngân sách Trung ương, chương trình mục tiêu Quốc gia, ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.
2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 128/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 40/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Nghị quyết số 128/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 - 2020.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XIV, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ;
- UB các vấn đề xã hội của Quốc hội; UB Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ tỉnh uỷ;
- TT HĐND; UBND; UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh uỷ, ĐDBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Huyện uỷ, Thành uỷ, HĐND; UBND, Ủy ban MTTQ huyện, thành phố;
- HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm thông tin tỉnh; Chi cục VTLT tỉnh;
- Lưu: VT. VHXH.



CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Chất

PHỤ LỤC

Chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2018 - 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 69/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ
1	Chính sách hỗ trợ người cai nghiện ma túy		
1.1	Hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy; cơ sở quản lý sau cai; sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú		
a)	Hỗ trợ người nghiện ma túy cai tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện.		
-	Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường khác; tiền điện, nước, vệ sinh; tiền ăn	01 Người	Hỗ trợ 25% mức hỗ trợ của tỉnh đối với người cai nghiện bắt buộc tại các cơ sở cai nghiện.
-	Tiền học văn hóa, học nghề (nếu bản thân người cai nghiện ma túy có nhu cầu; chỉ hỗ trợ một lần đầu không hỗ trợ trường hợp tái nghiện): Học viên là các đối tượng khác ngoài đối tượng quy định tại Điều 9, thông tư liên tịch 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Liên bộ Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội	01 Người	Hỗ trợ 75% chi phí đào tạo nghề theo quy định của tỉnh về mức chi cho công tác dạy nghề cho lao động nông thôn.
b)	Hỗ trợ người nghiện ma túy bị bắt buộc tại các cơ sở cai nghiện.		
-	Người nghiện ma túy sau khi chấp hành xong quyết định tại các cơ sở cai nghiện, trở về nơi cư trú (các đối tượng khác ngoài đối tượng được quy định tại khoản 10, điều 5 thông tư liên tịch 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Liên bộ Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội) được cấp tiền ăn đường, tiền tàu xe như sau:		
+	Tiền ăn đường (tối đa không quá 3 ngày)	đồng/ngày/người	40,000
+	Tiền vé xe	đồng/ngày/người	Theo giá phương tiện phổ thông
c)	Hỗ trợ người sau cai nghiện ma túy tại cơ sở quản lý sau cai; người sau cai nghiện ma túy sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú		
-	Tiền học nghề: Nếu chưa qua đào tạo nghề có nhu cầu học nghề được hỗ trợ kinh phí học nghề với trình độ sơ cấp nghề (chỉ hỗ trợ một lần đầu không hỗ trợ trường hợp tái nghiện): Hỗ trợ thêm ngoài mức quy định tại Tiết e, Khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12/8/2010 của Liên bộ Tài chính - Lao động Thương binh Xã hội	đồng/người/lần	500,000
-	Người sau cai nghiện ma túy, sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú (các đối tượng khác ngoài các đối tượng được quy định tại tiết i, Khoản 1, Điều 4 Thông tư liên tịch 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12/8/2010 của Liên bộ Tài chính - Lao động Thương binh Xã hội) được cấp tiền ăn đường, tiền tàu xe như sau:		
+	Tiền ăn đường (tối đa không quá 3 ngày)	đồng/ngày/người	40,000
+	Tiền vé xe		Theo giá phương tiện phổ thông

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ
d)	Hỗ trợ mai táng phí: Người nghiện ma túy bị bắt buộc tại các cơ sở cai nghiện, người sau cai nghiện ma túy tại cơ sở quản lý sau cai tử vong có thân nhân đến đưa thi thể về gia đình mai táng, được hỗ trợ chi phí mai táng cho gia đình	đồng/ca tử vong	3,000,000
1.2	Hỗ trợ kinh phí đối với người nghiện ma túy cắt cơn nghiện trong thời gian bị tạm giam, giữ tại Trại tạm giam, Nhà tạm giữ của cơ quan Công an; người được hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy 10 ngày tại các cơ sở cai nghiện; người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú; tại cơ sở y tế.		
a)	Người nghiện ma túy cắt cơn nghiện trong thời gian bị tạm giam, giữ tại Trại tạm giam, Nhà tạm giữ của cơ quan Công an, được hỗ trợ tiền thuốc cắt cơn nghiện	đồng/người/đợt điều trị	400,000
b)	Hỗ trợ kinh phí đối với người nghiện ma túy điều trị cắt cơn nghiện ma túy 10 ngày tại cơ sở cai nghiện.		
-	Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn nghiện (đối với những đối tượng đã có thẻ bảo hiểm y tế thì được hưởng theo chế độ bảo hiểm y tế; trường hợp BHYT không thanh toán thì được hưởng theo quy định tại Nghị quyết này)	đồng/người /lần cắt cơn nghiện	Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;
-	Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện	đồng/người/ lần chấp hành quyết định	400,000
-	Tiền ăn	đồng/người/ngày	40,000
-	Tiền điện, nước, vệ sinh	đồng/người/lần chấp hành quyết định	30,000
-	Tiền trang cấp vật dụng cá nhân	đồng/người/lần chấp hành quyết định	40,000
c)	Người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình và cộng đồng, sau khi hoàn thành giai đoạn điều trị hỗ trợ cắt cơn (10 ngày), tiếp tục thực hiện quy trình quản lý, giám sát tại gia đình, cộng đồng nếu không tái sử dụng ma túy được hỗ trợ tiền ăn và tiền thăm hỏi trong thời gian tối đa 12 tháng.		
-	Tiền ăn	đồng/người/ngày	6,000
-	Tiền thăm hỏi	đồng/người/quý	20,000
d)	Người nghiện ma túy tập trung cắt cơn nghiện bằng phương pháp điện châm tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, được hỗ trợ chi phí điều trị và tiền ăn		
-	Hỗ trợ điều trị	đồng/người/đợt điều trị	400,000
-	Tiền ăn	đồng/người/ngày	40,000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ
1.3	Hỗ trợ đối với đối tượng là cá nhân thuộc diện cần phải xác định tình trạng nghiện theo quy định tại khoản 2 điều 2 Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA ngày 09/7/2015 của liên Bộ: Y tế - Lao động thương binh xã hội - Công an (sau đây gọi chung là cá nhân thuộc diện cần phải xác định tình trạng nghiện), tại các cơ sở điều trị nghiện ma túy, cơ sở y tế, nội dung hỗ trợ bao gồm:		
-	Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm, theo dõi và phát hiện chất ma túy (đối với những đối tượng đã có thẻ bảo hiểm y tế thì được hưởng theo chế độ bảo hiểm y tế; trường hợp BHYT không thanh toán thì được hưởng theo quy định tại Nghị quyết này)	đồng/người/lần xác định tình trạng nghiện	Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;
-	Tiền ăn	đồng/người/ngày	40,000
-	Tiền điện, nước, vệ sinh	đồng/người/lần xác định tình trạng nghiện	30,000
-	Tiền trang cấp vật dụng cá nhân	đồng/người/lần xác định tình trạng nghiện	40,000
2.	Chính sách triệt xóa cây có chứa chất ma túy		
2.1.	Hỗ trợ cho tập thể, cá nhân có công phát hiện và tham gia triệt phá diện tích trồng, tái trồng cây có chứa chất ma túy:		
a)	Hỗ trợ kinh phí cho tập thể, cá nhân có công phát hiện diện tích (m ²) trồng, tái trồng cây có chứa chất ma túy, cụ thể:		
-	Diện tích trồng dưới 20 m ²	đồng/trường hợp	1,000,000
-	Diện tích trồng từ trên 20 m ² đến 100 m ²	đồng/trường hợp	2,000,000
-	Diện tích trồng từ trên 100 m ² đến 1000 m ²	đồng/trường hợp	5,000,000
-	Diện tích trồng trên 1000 m ²	đồng/trường hợp	10,000,000
b)	Hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, chiến sỹ và lực lượng tham gia triệt phá diện tích trồng, tái trồng cây có chứa chất ma túy	đồng/người/ngày	200,000
2.2.	Chi hỗ trợ công tác thu gom, tiêu huỷ cây có chứa chất ma túy sau khi triệt phá:		
a)	Định mức nhiên liệu tiêu huỷ	lít dầu hoả/m ² (Diện tích trồng cây có chứa chất ma túy đã triệt phá, được thu gom để tiêu huỷ)	0,17
b)	Chi phí thu gom, tiêu huỷ cho lực lượng trực tiếp tham gia tiêu huỷ cây có chứa chất ma túy sau triệt phá.	đồng/người/buổi	100,000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ
3.	Chính sách tăng cường đấu tranh phòng, chống và kiểm soát tội phạm ma túy: Hỗ trợ kinh phí cho lực lượng thực hiện các biện pháp đấu tranh chống tội phạm ma túy (Lực lượng Công an; Bộ đội biên phòng; Hải quan) bắt giữ và khởi tố bị can theo tội danh quy định về tội phạm ma túy tại các tội phạm ma túy tại các điều 249, 250, 251, 252, 255, 256, 257, 258 Luật Hình sự số 100/2015/QH 13 và các khoản 66, 67, 68, 69 điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH 13 - Bộ Luật số 12/2017/QH 14 ban hành ngày 20/6/2017 trên địa bàn tỉnh Sơn La.		
3.1.	Bắt giữ và khởi tố bị can (ở khu vực 17 xã biên giới của tỉnh)	đồng/bị can	7.000.000
3.2.	Bắt giữ và khởi tố bị can ở các khu vực còn lại	đồng/bị can	6.000.000
4.	Chính sách hỗ trợ cán bộ tham gia công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy		
4.1.	Hỗ trợ kinh phí ngoài lương, trợ cấp và phụ cấp cho công chức của Ban chỉ đạo 2968 cấp tỉnh, cấp huyện	mức lương cơ sở/người/tháng.	0.5
4.2	Hỗ trợ kinh phí cho thành viên tham gia hội đồng hợp xét đưa người nghiện ma túy vào cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện công lập (các đối tượng khác ngoài các đối tượng được quy định tại khoản 3, điều 6 Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 08/10/2014 của Liên bộ Tài chính - Lao động Thương binh Xã hội)		
a)	Hỗ trợ hợp xét tại Tòa án nhân dân huyện:		
-	Chủ tọa phiên họp	đồng/phiên họp xét	100.000
-	Đại diện viện kiểm sát nhân dân	đồng/phiên họp xét	80.000
-	Đại diện cơ quan đề nghị	đồng/phiên họp xét	80.000
-	Đại diện công an huyện	đồng/phiên họp xét	80.000
-	Đại diện UBND xã, phường, thị trấn	đồng/phiên họp xét	50.000
-	Thư ký	đồng/phiên họp xét	50.000
b)	Hỗ trợ hợp xét lưu động tại các xã, phường, thị trấn		
-	Chủ tọa phiên họp	đồng/phiên họp xét	150.000
-	Đại diện viện kiểm sát nhân dân	đồng/phiên họp xét	120.000
-	Đại diện cơ quan đề nghị	đồng/phiên họp xét	120.000
-	Đại diện công an huyện	đồng/phiên họp xét	120.000
-	Đại diện UBND xã, phường, thị trấn	đồng/phiên họp xét	50.000
-	Thư ký	đồng/phiên họp xét	50.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ
4.3	Hỗ trợ kinh phí đưa người đi điều trị cắt cơn nghiện ma túy 10 ngày tại các cơ sở cai nghiện ma túy; kinh phí đưa người sau cai nghiện đến quản lý sau cai tại các cơ sở quản lý sau cai; Hỗ trợ kinh phí đưa cá nhân thuộc diện cần phải xác định tình trạng nghiện đi xác định tình trạng nghiện tại các cơ sở điều trị nghiện ma túy, cơ sở y tế (các đối tượng khác ngoài các đối tượng được quy định tại khoản 3, điều 4 Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLDTBXH ngày 08/10/2014 của Liên bộ Tài chính - Lao động Thương binh Xã hội)		
a)	Hỗ trợ kinh phí đưa người nghiện ma túy đi điều trị cắt cơn 10 ngày tại các cơ sở cai nghiện ma túy		
-	Chi cho người được giao nhiệm vụ đưa người nghiện ma túy đi điều trị cắt cơn 10 ngày tại các cơ sở cai nghiện ma túy (trong thời gian thực hiện nhiệm vụ)		chế độ công tác phí theo quy định hiện hành
-	Trường hợp làm đêm, thêm giờ (nếu có)		theo quy định hiện hành của pháp luật về chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức
-	Hỗ trợ cho người nghiện ma túy trong những ngày đi trên đường:		
+	Tiền ăn (tối đa không quá 3 ngày);	đồng/ngày/người	40,000
+	Tiền ngủ (nếu có)	đồng/tối/người	theo mức quy định hiện hành
-	Chi phí tiền vé xe hoặc chi phí thuê mướn phương tiện vận chuyển		
+	Trường hợp đơn vị tự bố trí phương tiện vận chuyển	đồng/lượt/người	theo giá cước vận tải áp dụng tại địa phương
+	Trường hợp thuê xe ngoài	đồng/xe/lần cắt cơn	theo hợp đồng thuê xe
b)	Hỗ trợ kinh phí đưa người sau cai nghiện đến quản lý sau cai tại các cơ sở quản lý sau cai		
-	Chi cho người được giao nhiệm vụ đưa người sau cai đến cơ sở quản lý sau cai (trong thời gian thực hiện nhiệm vụ)		chế độ công tác phí theo quy định hiện hành
-	Hỗ trợ tiền ăn cho người sau cai nghiện trong những ngày đi trên đường (tối đa không quá 3 ngày)	đồng/ngày/người	40,000
-	Tiền ngủ (nếu có)	đồng/tối/người	theo mức quy định hiện hành
-	Chi phí tiền vé xe hoặc chi phí thuê mướn phương tiện vận chuyển		
+	Trường hợp đơn vị tự bố trí phương tiện vận chuyển	đồng/lượt/người	theo giá cước vận tải áp dụng tại địa phương
+	Trường hợp thuê xe ngoài	đồng/xe/lần	theo hợp đồng thuê xe
c)	Hỗ trợ kinh phí đưa cá nhân thuộc diện cần phải xác định tình trạng nghiện đi xác định tình trạng nghiện tại các cơ sở điều trị nghiện ma túy, cơ sở y tế. Nội dung hỗ trợ bao gồm:		
-	Chi cho người được giao nhiệm vụ đưa cá nhân thuộc diện cần phải xác định tình trạng nghiện đi xác định tình trạng nghiện tại các cơ sở điều trị nghiện ma túy, cơ sở y tế (trong thời gian thực hiện nhiệm vụ)		chế độ công tác phí theo quy định hiện hành

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ
-	Trường hợp làm đêm, thêm giờ (nếu có)	đồng/giờ/người	theo quy định hiện hành của pháp luật về chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức
-	Hỗ trợ cho cá nhân thuộc diện cần phải xác định tình trạng nghiện trong những ngày đi trên đường:		
+	Tiền ăn	đồng/ngày/người	40,000
+	Tiền ngủ (nếu có)	đồng/tối/người	theo mức quy định hiện hành.
-	Chi phí tiền vé xe hoặc chi phí thuê mướn phương tiện vận chuyển		
+	Trường hợp đơn vị tự bố trí phương tiện vận chuyển	đồng/lượt/người	theo giá cước vận tải áp dụng tại địa phương
+	Trường hợp thuê xe ngoài	đồng/xe/lần	theo hợp đồng thuê xe
4.4	Chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, viên chức tại các cơ sở cai nghiện trên địa bàn tỉnh.		
a)	Hỗ trợ tiền may trang phục đối với cán bộ, viên chức tại các cơ sở cai nghiện công lập trên địa bàn tỉnh	đồng/người/năm	500.000
b)	Phụ cấp trực 24/24 giờ đối với cán bộ quản lý trực lãnh đạo, bảo vệ tại các cơ sở cai nghiện công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La, (<i>Định mức nhân lực trong phiên trực 24/24 giờ vận dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TTLT-BLĐT BXH-BYT-BTC ngày 26/02/2014 của liên bộ: Lao động Thương binh Xã hội - Y tế - Tài chính</i>)	đồng/phiên trực/người	30,000
c)	Ngoài mức hỗ trợ phụ cấp ưu đãi theo nghề theo quy định tại Khoản 3, Điều 7 Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập; công chức, viên chức làm công tác quản lý không trực tiếp làm chuyên môn y tế, dạy văn hoá, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách và dạy nghề tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy được hỗ trợ thêm. (<i>Cách tính hỗ trợ áp dụng thực hiện theo công thức tính tại khoản 3 điều 3 Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ</i>)	đồng/người/tháng	10% hệ số lương hiện hưởng
d)	Hỗ trợ phụ cấp thu hút đặc thù đối với cán bộ viên chức làm việc tại các cơ sở cai nghiện công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La	đồng/người/tháng	1,000,000
4.5	Hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, chiến sĩ và lực lượng tham gia phòng chống ma túy trong khi thi hành công vụ bị phơi nhiễm HIV do tai nạn, rủi ro nghề nghiệp	đồng/người/lượt phơi nhiễm	10.000.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ
4.6	Hỗ trợ cán bộ cơ sở thực hiện hiệu quả công tác vận động, giáo dục, thuyết phục người mắc nghiện ma túy tự nhận và đăng ký hình thức chữa trị, cai nghiện ma túy (<i>không phải thực hiện quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy theo Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLDTBXH-BCA ngày 09/7/2015 của Liên bộ: Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an quy định thẩm quyền, thủ tục, quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy</i>)	đồng/người tự nhận nghiện ma túy	50.000
4.7	Khoản chi phí gián tiếp trên một người nghiện ma túy được điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện (<i>để bồi dưỡng những người tham gia trong quá trình chữa trị cai nghiện ma túy, thuê địa điểm cai nghiện</i>):		
a)	Tại cộng đồng, điểm tập trung	đồng/người/đợt điều trị	170,000
b)	Tại Trại tạm giam của cơ quan Công an	đồng/người/đợt điều trị	30,000
4.8	Hỗ trợ cho cán bộ xã, phường, thị trấn và tổ bản trực tiếp tham gia đấu tranh phòng chống ma túy. Mức hỗ trợ căn cứ theo đối tượng bị bắt giữ và khởi tố theo các tội danh quy định tội phạm ma túy tại các điều 249, 250, 251, 252, 255, 256, 257, 258 Luật Hình sự số 100/2015/QH 13 và các khoản 66, 67, 68, 69 điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH 13 - Bộ Luật số 12/2017/QH 14 ban hành ngày 20/6/2017 xảy ra trên địa bàn của xã, phường, thị trấn (<i>trừ trường hợp đối với các đối tượng bị bắt trên đường tuần tra và mở rộng chuyên án ma túy của các cơ quan chức năng</i>).	đồng/đối tượng bị bắt giữ và khởi tố	1,500,000
4.9	Ngoài các mức hỗ trợ theo quy định của Nhà nước, cán bộ, chiến sĩ và lực lượng tham gia đấu tranh phòng chống ma túy trong khi thi hành công vụ bị thương, hy sinh được hỗ trợ thêm	đồng/cá nhân (thân nhân liệt sỹ)	bảng mức quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP của Chính phủ
4.10	Hỗ trợ công tác phí cho các cán bộ, chiến sĩ phối hợp thực hiện nhiệm vụ phòng chống ma túy ở ngoại biên (<i>Thời gian, kế hoạch công tác do UBND tỉnh quyết định</i>)	đồng/người/ngày	800,000
4.11	Chính sách hỗ trợ cho các cá nhân, đơn vị thực hiện tốt Chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone		
a)	Hỗ trợ cán bộ cơ sở thực hiện hiệu quả công tác vận động, giáo dục, thuyết phục người mắc nghiện ma túy tham gia điều trị Methadone	đồng/người tự nhận nghiện ma túy	50,000
b)	Hỗ trợ tiền may trang phục đối với cán bộ, viên chức tại các cơ sở điều trị Methadone trên địa bàn tỉnh (<i>may quần áo blu</i>)	đồng/người/năm	500,000
c)	Hỗ trợ đối với cán bộ, viên chức, người làm việc tại các cơ sở điều trị và cơ sở cấp phát thuốc Methadone trên địa bàn tỉnh Sơn La	đồng/người/tháng	1,000,000
d)	Hỗ trợ các cơ sở có số bệnh nhân tham gia điều trị Methadone vượt mức chỉ tiêu cấp có thẩm quyền:		
-	Đối với cơ sở điều trị	đồng/cơ sở/năm	10,000,000
-	Đối với cơ sở cấp phát thuốc	đồng/cơ sở/năm	5,000,000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ
5	Chính sách hỗ trợ công tác phòng chống và kiểm soát ma túy tại cơ sở		
5.1	Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động đánh giá tình trạng nghiện ma túy bằng que thử test (loại 4 chân) ở các cơ sở điều trị Methadone, cơ sở cai nghiện ma túy công lập, nơi cư trú, hỗ trợ mua que thử (không quá 4 lần/năm đối với một người nghiện ma túy)	đồng/lần	60,000
5.2	Thưởng tiền kèm theo bằng công nhận đạt tiêu chuẩn không có ma túy đối với xã, phường, thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố, mức hỗ trợ:		
-	Đối với xã, phường, thị trấn	đồng/lần/xã, phường, thị trấn	10,000,000
-	Đối với bản, tiểu khu, tổ dân phố	đồng/lần/bản, tiểu khu, tổ dân phố	5,000,000
-	Sau 03 năm liên tiếp, nếu giữ vững danh hiệu đơn vị đạt tiêu chuẩn không ma túy thì tiếp tục được hỗ trợ theo mức trên.		
5.3	Hỗ trợ kinh phí hoạt động của nhóm liên gia tự quản cho các nội dung chi bao gồm mua sổ, bút, văn phòng phẩm, chè, nước như sau:		
a)	Nhóm liên gia tự quản dưới 15 hộ	đồng/nhóm/năm	300,000
b)	Nhóm liên gia tự quản từ 15 hộ đến 30 hộ	đồng/nhóm/năm	400,000
c)	Nhóm liên gia tự quản trên 30 hộ	đồng/nhóm/năm	500,000
5.4	Hỗ trợ kinh phí đối với Ban chỉ đạo 2968 cấp xã; Bản, tiểu khu, tổ dân phố trọng điểm về ma túy. Ngoài hỗ trợ của ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương hỗ trợ như sau:		
a)	Xã, phường, thị trấn:		
-	Trọng điểm về ma túy:		
+	Trọng điểm loại I	đồng/xã/năm	22,000,000
+	Trọng điểm loại II	đồng/xã/năm	18,000,000
+	Trọng điểm loại III	đồng/xã/năm	15,000,000
-	Có tệ nạn ma túy	đồng/xã/năm	13,000,000
-	Không có tệ nạn ma túy	đồng/xã/năm	3,000,000
b)	Bản, tiểu khu, tổ dân phố:		
-	Trọng điểm về ma túy	đồng/tổ, bản, tiểu khu/năm	1,500,000
-	Có tệ nạn ma túy	đồng/tổ, bản, tiểu khu/năm	1,000,000

